

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2040

Thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 03/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2040 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 46-NQ/TU); Kế hoạch số 60-KH/ĐU ngày 18/3/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2040 (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 60-KH/ĐU ngày 18/3/2026). Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2040, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển giao thông nông thôn bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

- Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và nhân dân trong việc triển khai các nhiệm vụ phát triển giao thông nông thôn; làm cơ sở để xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, dự án cụ thể, gắn với nguồn lực và lộ trình thực hiện phù hợp.

- Để theo dõi, đánh giá, kiểm tra, giám sát tiến độ và hiệu quả triển khai thực hiện phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giao thông nông thôn.

- Góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 03/02/2026 và Kế hoạch số 60-KH/ĐU ngày 18/3/2026; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, thiết thực, hiệu quả.

- Bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh, xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong tổ chức thực hiện, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp, tránh chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, phân kỳ thực hiện phù hợp; gắn nhiệm vụ với sản phẩm đầu ra cụ thể, thời gian hoàn thành và cơ quan chịu trách nhiệm, làm cơ sở cho công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

- Bảo đảm tính khả thi, thiết thực và hiệu quả, phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện và nguồn lực của tỉnh; kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trong quá trình triển khai để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và các quy định mới của Trung ương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ, gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; đồng thời bảo đảm chất lượng, tuổi thọ công trình trong suốt quá trình đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo trì, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong tương lai.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, gắn kết chặt chẽ với các hạ tầng kỹ thuật thiết yếu khác, phù hợp với điều kiện địa hình, khí hậu và đặc thù của từng khu vực, nhất là vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới. Bảo đảm kết nối thông suốt, hiệu quả giữa các xã với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường liên xã, kết nối đồng bộ các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, khu dân cư, điểm du lịch, khu kinh tế cửa khẩu với mạng lưới giao thông liên vùng, liên tỉnh. Ưu tiên đầu tư kiên cố hoá hệ thống đường từ xã đến thôn, đường trục thôn và đường nội bộ khu dân cư, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao năng lực tiếp cận dịch vụ cơ bản và cải thiện toàn diện đời sống của Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Đầu tư xây dựng mở mới, nâng cấp ít nhất 350 km đường liên xã, đường kết nối từ các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm các xã với cấp thiết kế tối thiểu là cấp V miền núi theo Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054:2005. Đến hết năm 2030, tỷ lệ đường giao thông nông thôn trên địa bàn các xã được nhựa hoá, bê tông hoá đạt trên 80% theo tiêu chí xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

- Đầu tư xây dựng ít nhất 100 cây cầu bê tông xi măng, cầu thép với quy mô phù hợp để thay thế các cầu treo cũ, cầu tạm, cầu cũ, ngầm tràn bị hư hỏng và tại vị trí qua sông, suối chưa được đầu tư xây dựng cầu.

- Hỗ trợ mở mới, mở rộng nền đường, kiên cố hóa mặt đường bê tông xi măng (gồm làm mới và cải tạo mở rộng mặt đường cũ), xây dựng công trình thoát nước (cống, rãnh dọc) cho ít nhất 2.500 km đường giao thông nông thôn đạt chuẩn về nền, mặt đường theo tiêu chuẩn đường cấp A, cấp B, cấp C của Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn TCVN 10380:2014.

- Mục tiêu cụ thể từng năm:

+ Năm 2026: Tổ chức triển khai đầu tư xây dựng trên 70 km đường liên xã, đường kết nối từ các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm các xã; 20 công trình cầu; hỗ trợ mở mới, mở rộng nền đường, kiên cố hóa mặt đường bê tông xi măng 500 km đường trục xã, trục thôn. Hoàn thành 60% khối lượng trong năm 2026, còn lại hoàn thành trong năm 2027.

+ Năm 2027: Tổ chức triển khai đầu tư xây dựng và hoàn thành trên 70 km đường liên xã, đường kết nối từ các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm các xã; 20 công trình cầu; hỗ trợ mở mới, mở rộng nền đường, kiên cố hóa mặt đường bê tông xi măng 580 km đường trục xã, trục thôn.

+ Năm 2028: Tổ chức triển khai đầu tư xây dựng và hoàn thành trên 70 km đường liên xã, đường kết nối từ các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm các xã; 20 công trình cầu; hỗ trợ mở mới, mở rộng nền đường, kiên cố hóa mặt đường bê tông xi măng 580 km đường trục xã, trục thôn.

+ Năm 2029: Tổ chức triển khai đầu tư xây dựng và hoàn thành trên 70 km đường liên xã, đường kết nối từ các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm các xã; 20 công trình cầu; hỗ trợ mở mới, mở rộng nền đường, kiên cố hóa mặt đường bê tông xi măng 420 km đường trục xã, trục thôn.

+ Năm 2030: Tổ chức triển khai đầu tư xây dựng và hoàn thành trên 70 km đường liên xã, đường kết nối từ các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm các xã; 20 công trình cầu; hỗ trợ mở mới, mở rộng nền đường, kiên cố hóa mặt đường bê tông xi măng 420 km đường trục xã, trục thôn.

3. Phân đầu đến năm 2040: 100% đường giao thông nông thôn được nhựa hóa, bê tông hóa; 100% cầu treo, cầu tạm, cầu cũ và ngầm tràn được đầu tư thay thế bằng cầu bê tông cốt thép.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 03/02/2026 và Kế hoạch số 60-KH/ĐU ngày 18/3/2026

- Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, nhất là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thống nhất nhận thức phát triển giao thông nông thôn, tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 03/02/2026, Kế hoạch số 60-KH/ĐU ngày 18/3/2026 và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện.

- Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Gắn kết quả thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 03/02/2026, Kế hoạch số 60-KH/ĐU ngày 18/3/2026 và Kế hoạch này với đánh giá, xếp loại tập thể và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm cơ sở xem xét thi đua, khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ.

2. Chuẩn hóa tiêu chuẩn kỹ thuật

Thực hiện đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn theo đúng quy hoạch, tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với chức năng tuyến, lưu lượng và điều kiện địa hình từng khu vực; lựa chọn cấp kỹ thuật hợp lý, tránh nâng cấp dàn trải, vượt nhu cầu thực tế gây lãng phí nguồn lực. Ưu tiên đầu tư đồng bộ các hạng mục bảo đảm thoát nước, gia cố nền đường, xử lý sạt lở, bảo đảm an toàn giao thông; từng bước áp dụng các giải pháp kỹ thuật bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.1. Đường mở mới, nâng cấp đường liên xã, đường kết nối từ tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm các xã: Quy mô xây dựng đường cấp V miền núi theo Tiêu chuẩn TCVN 4054:2005, với các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Bề rộng nền đường tối thiểu $B_{nền} = 6,5m$, trong đó mặt đường tối thiểu $B_{mặt} = 3,5m$.

- Lê đường gia cố với bề rộng $B_{lê} = 2 \times 1m$, có kết cấu tương tự như kết cấu mặt đường.

- Kết cấu mặt đường là bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.

- Hệ thống thoát nước, hệ thống biển báo, an toàn giao thông theo quy định.

2.2. Đối với đường trục xã, đường trục thôn mở mới, mở rộng nền đường, kiên cố hoá mặt đường bê tông xi măng (gồm làm mới và cải tạo mở rộng mặt đường cũ): Quy mô xây dựng của nền, mặt đường theo đường cấp A, cấp B, cấp C giao thông nông thôn của Tiêu chuẩn TCVN 10380:2014, với các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Đối với đường cấp A-GTNT: Chiều rộng nền đường tối thiểu $B_{nền} = 6,5m$ (6,0m đối với địa hình miền núi, địa hình đồng bằng đặc biệt khó khăn hoặc bước đầu phân kỳ xây dựng); chiều rộng mặt đường tối thiểu $B_{mặt} = 3,5m$; chiều rộng lề đường tối thiểu $B_{lê} = 1,5m$ (1,25m đối với địa hình miền núi, địa hình đồng bằng đặc biệt khó khăn hoặc bước đầu phân kỳ xây dựng); kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M250, dày 20 cm.

- Đối với đường cấp B-GTNT: Chiều rộng của nền đường tối thiểu $B_{nền} = 5,0m$ (4,5m đối với địa hình miền núi, địa hình đồng bằng đặc biệt khó khăn hoặc bước đầu phân kỳ xây dựng); chiều rộng mặt đường tối thiểu $B_{mặt} = 3,5m$; chiều rộng lề đường tối thiểu $B_{lê} = 0,75m$ (0,5m đối với địa hình miền núi, địa hình đồng bằng đặc biệt khó khăn hoặc bước đầu phân kỳ xây dựng); kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M250, dày 18 cm.

- Đối với đường cấp C-GTNT: Chiều rộng của nền đường tối thiểu $B_{nền} = 4,0m$; chiều rộng mặt đường tối thiểu $B_{mặt} = 3,0m$; chiều rộng lề đường tối thiểu $B_{lề} = 0,5m$; kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M250, dày 16 cm.

- Rãnh dọc đảm bảo thoát nước, gia cố rãnh dọc tại những đoạn đường địa chất là đất có độ dốc dọc $I \geq 6\%$;

- Xây dựng hệ thống cống, rãnh thoát nước đảm bảo khả năng thoát nước.

2.3. Đối với cầu trên đường giao thông nông thôn

- Thực hiện phương án xây dựng cầu bê tông cốt thép, cầu thép bề rộng cầu phù hợp với bề rộng nền đường đường theo quy hoạch.

- Đường dẫn 2 đầu cầu kết nối với hệ thống đường cũ đã có; đường dẫn được kiên cố mặt đường bằng bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.

3. Thực hiện hiệu quả cơ chế “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ xây dựng đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, đồng thời thường xuyên rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND khi có sự thay đổi về căn cứ pháp lý hoặc tình hình thực tiễn. Tổ chức thực hiện cơ chế “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” theo hướng phân định rõ trách nhiệm của từng chủ thể.

4. Huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư giao thông nông thôn

Thực hiện huy động đa dạng, đồng bộ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn, trong đó phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân là trung tâm, nòng cốt, lâu dài. Khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế và cộng đồng dân cư dưới nhiều hình thức phù hợp; tạo môi trường, cơ chế thuận lợi, minh bạch để huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, công khai, không tạo gánh nặng cho Nhân dân, qua đó khơi dậy tinh thần trách nhiệm, sự đồng thuận và quyền làm chủ của cộng đồng trong đầu tư giao thông nông thôn phục vụ trực tiếp đời sống và sản xuất.

Ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, trong đó ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt trong đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trọng điểm, có tính kết nối và lan tỏa cao. Chủ động, tích cực tranh thủ, lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác để bổ sung nguồn lực đầu tư; bảo đảm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tập trung, hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải, manh mún, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của hệ thống giao thông nông thôn.

- Ngân sách cấp tỉnh đầu tư xây dựng mở mới, nâng các tuyến đường liên xã, đường kết nối từ các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm các xã và đầu tư xây dựng công trình cầu. Hỗ trợ vật liệu để kiên cố hoá mặt đường bê tông xi măng và hỗ trợ một phần kinh phí để mở mới, mở rộng nền đường, xây dựng công trình thoát nước (cống, rãnh dọc), khảo sát, lập hồ sơ thiết kế, dự toán, hồ sơ nghiệm thu, hoàn công công trình, giám sát và nhân công trực tiếp lao động làm đường đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Ngân sách cấp xã hỗ trợ một phần kinh phí giải phóng mặt bằng đối với tài sản là vật kiến trúc; hỗ trợ một phần kinh phí cho nhân công trực tiếp lao động thi công xây dựng mặt đường bê tông xi măng, công trình thoát nước (cống, rãnh dọc) trên cơ sở khả năng cân đối nguồn lực của địa phương; hỗ trợ 100% kinh phí đo đạc và các loại phí, lệ phí để thực hiện chỉnh lý biến động về đất cho người dân hiến đất để xây dựng đường giao thông nông thôn.

- Vận động, khuyến khích Nhân dân tự nguyện hiến đất, giải phóng mặt bằng, tổ chức thi công xây dựng công trình, huy động nguồn lực và đóng góp bằng những hình thức phù hợp, trên cơ sở tự nguyện, đồng thuận và thụ hưởng trực tiếp từ công trình.

5. Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư

Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch trong đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn theo hướng chặt chẽ, đồng bộ, đúng quy hoạch được phê duyệt. Thực hiện kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng công trình ngay từ khâu khảo sát, thiết kế, lựa chọn vật liệu, tổ chức thi công đến nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng; kiên quyết không để xảy ra tình trạng đầu tư tùy tiện, thi công kém chất lượng, chạy theo tiến độ mà xem nhẹ hiệu quả và độ bền công trình.

Đưa công tác quản lý, khai thác và bảo trì đường giao thông nông thôn trở thành nhiệm vụ thường xuyên, bắt buộc; xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo trì định kỳ, chủ động phát hiện, sửa chữa kịp thời các hư hỏng, điểm mất an toàn, từng bước chuyển từ tư duy “làm mới là chính” sang tư duy quản lý tài sản giao thông nông thôn bền vững, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, kéo dài tuổi thọ công trình và tiết kiệm nguồn lực xã hội.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư về vai trò của công tác bảo trì đường giao thông nông thôn; từng bước hình thành thói quen tự giác tham gia quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình ngay từ khi đưa vào sử dụng, coi đây là nhiệm vụ chung, lợi ích chung của cộng đồng.

Củng cố và phát huy vai trò, trách nhiệm của Nhân dân trong quản lý, xây dựng và bảo đảm an toàn giao thông nông thôn; khuyến khích người dân tham gia giám sát, phát hiện kịp thời các hành vi xâm hại công trình giao thông, vi phạm hành lang an toàn giao thông và phản ánh đến chính quyền cơ sở để xử lý. Gắn

trách nhiệm cộng đồng với quyền lợi thụ hưởng, qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về giao thông, giữ gìn công trình bền vững, an toàn, phục vụ hiệu quả đời sống và sản xuất của Nhân dân.

6. Sơ kết, tổng kết

- Báo cáo định kỳ: Báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 30 tháng 5 hằng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 30 tháng 11 đối với báo cáo năm.

- Sơ kết giữa nhiệm kỳ: Tổ chức thực hiện sơ kết trước ngày 15 tháng 6 năm 2028.

- Tổng kết giai đoạn: Tổ chức thực hiện tổng kết trước ngày 30 tháng 10 năm 2030.

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐẦU TƯ

Tổng kinh phí từ nguồn Ngân sách cấp tỉnh quản lý khoảng **8.952 tỷ đồng**.

Trong đó:

- Đầu tư nâng cấp đường liên xã (đường kết nối từ các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm các xã): **6.230 tỷ đồng**.

- Đầu tư xây dựng công trình cầu: **700 tỷ đồng**.

- Hỗ trợ mở mới, mở rộng nền đường, kiên cố hoá mặt đường bê tông xi măng (gồm làm mới và cải tạo mở rộng mặt đường cũ) đường giao thông trục xã, trục thôn: **2.022 tỷ đồng**.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác lập kế hoạch bố trí nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý và các nguồn vốn khác hàng năm để đầu tư, hỗ trợ theo nội dung của Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác thanh, quyết toán; kiểm tra, giám sát công tác thanh, quyết toán kinh phí do tỉnh hỗ trợ theo quy định hiện hành.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã làm công tác xây dựng đường giao thông nông thôn về công tác quyết toán xây dựng công trình.

2. Sở Xây dựng

- Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ trì tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 6), hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác thực hiện và quản lý chất lượng xây dựng công trình; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã làm công tác xây dựng đường giao thông nông thôn.

- Tổng hợp, đề xuất thi đua khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích, đóng góp trong phong trào xây dựng và phát triển đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn các xã trong công tác hoàn thiện thủ tục hồ sơ chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân khi người dân hiến đất giải phóng mặt bằng phục vụ thi công công trình.

- Hướng dẫn trình tự thủ tục có liên quan khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản thông thường để phục vụ xây dựng đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành có liên quan, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nội dung về công tác rà phá bom mìn, vật nổ, phá đá nổ mìn các tuyến đường mở mới, mở rộng khi có đề nghị của chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chủ trì triển khai, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và quản lý mọi mặt công tác phát triển đường giao thông nông thôn trên địa bàn.

- Tổ chức họp dân và lập văn bản đề nghị xây dựng các tuyến đường, lập danh sách các tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp xây dựng công trình đường giao thông nông thôn bảo đảm công khai, minh bạch.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực thực hiện chủ trương của tỉnh về phát triển đường giao thông nông thôn; quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng các tuyến đường và các công trình trên địa bàn được giao quản lý.

- Tổ chức khảo sát, lập hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng đường giao thông nông thôn theo quy định.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện quản lý kinh phí hỗ trợ và chất lượng công trình; nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành được đầu tư theo đúng quy định và kịp thời.

- Bố trí một phần kinh phí giải phóng mặt bằng đối với vật kiến trúc; hỗ trợ một phần kinh phí cho nhân công trực tiếp lao động thi công xây dựng mặt đường bê tông xi măng, công trình thoát nước (cống, rãnh dọc) trên cơ sở cân đối khả năng nguồn lực của địa phương; hỗ trợ 100% kinh phí đo đạc và các loại phí, lệ phí để thực hiện chỉnh lý biến động về đất cho người dân hiến đất để xây dựng đường giao thông nông thôn.

- Tổ chức quyết toán các nguồn kinh phí tỉnh hỗ trợ với cơ quan chức năng của tỉnh; định kỳ báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện về Sở Xây dựng trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý theo quy định.

6. Tổ dân phố, thôn, xóm, bản

- Cùng với Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức họp nhân dân và lập văn bản đề nghị xây dựng các tuyến đường, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường trong công tác khảo sát, lập hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng đường giao thông nông thôn, tự nguyện hiến đất, giải phóng mặt bằng, huy động nguồn lực và đóng góp bằng những hình thức phù hợp khác; tham gia thi công, quản lý, bảo vệ các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn.

7. Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan chủ động xây dựng văn bản triển khai thực hiện bằng hình thức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và địa phương mình. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai và các tổ chức chính trị - xã hội phổ biến, vận động hội viên, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia xây dựng đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 03/02/2026, Kế hoạch số 60-KH/ĐU ngày 18/3/2026 và Kế hoạch này.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh(Minh);
- Lưu: VT, TH_(Kiên), XD_(Nam, Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trung Bá

DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên nhiệm vụ/hoạt động/dự án	Đơn vị tính	Khối lượng	Khái toán kinh phí	Nhu cầu vốn dự kiến, giai đoạn 2026 - 2030	Phân kỳ đầu tư									
						Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
						Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng cộng:				8.952.000		1.790.400		1.854.092		1.854.092		1.726.708		1.726.708
I	Đường mở mới, nâng cấp đường liên xã, đường kết nối từ tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm các xã	Km	350	17.800	6.230.000	70	1.246.000	70	1.246.000	70	1.246.000	70	1.246.000	70	1.246.000
II	Đầu tư xây dựng cầu (thay thế các cầu treo cũ và cầu tạm, ngăn tràn bị hư hỏng khoảng 100 cầu; tính bình quân mỗi cầu dài 30m, bề rộng cầu 6,5m)	cái	100	7.000	700.000	20	140.000	20	140.000	20	140.000	20	140.000	20	140.000
III	Đường trục xã, trục thôn		2500		2.022.000		404.400		468.092		468.092		340.708		340.708
1	Hỗ trợ mở mới nền đường đạt chiều rộng nền đường cấp A, cấp B, cấp C giao thông nông thôn	Km	500	272	136.000	100	27.200	120	31.552	120	31.552	80	22.848	80	22.848
2	Hỗ trợ mở rộng nền đường cũ để đạt chiều rộng nền đường cấp A, cấp B, cấp C giao thông nông thôn (khái toán tính cho 02m mở rộng thêm)	Km	2.000	200	400.000	400	80.000	464	92.800	464	92.800	336	67.200	336	67.200

Stt	Tên nhiệm vụ/hoạt động/dự án	Đơn vị tính	Khối lượng	Khái toán kinh phí	Nhu cầu vốn dự kiến, giai đoạn 2026 - 2030	Phân kỳ đầu tư									
						Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
						Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền
3	Kiên cố hóa mặt đường bê tông xi măng	Km	2.500	400	1.000.000	500	200.000	580	232.000	580	232.000	420	168.000	420	168.000
4	Công trình thoát nước	Km	2.500	158	395.000	500	79.000	580	91.640	580	91.640	420	66.360	420	66.360
5	Hỗ trợ nhân công làm mặt đường các xã, thôn đặc biệt khó khăn (tính trung bình 55 triệu đồng/01 km)	Km	1.200	55	66.000	240	13.200	260	14.300	260	14.300	220	12.100	220	12.100
6	Hỗ trợ khác: khảo sát, thiết kế, dự toán, hồ sơ nghiệm thu, hoàn công công trình, giám sát	Km	2.500	10	25.000	500	5.000	580	5800	580	5800	420	4.200	420	4.200